

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-ST

Ngày: 24-7-2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phú Hữu

2. Ông Nguyễn Hồng Thơ

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 256/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Ng.

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 66, Điện Biên Phủ, Tổ 28, khóm Mỹ Trung, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Ng là ông Hồ Thanh Tr; sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 66, Điện Biên Phủ, Tổ 28, khóm M, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 36, Khóm 4, Phường F, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Tr có mặt tại phiên tòa, bà Đ vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn L và trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/11/2023 bà Lê Thị Hồng Đ có ký hợp đồng cầm cố số BT00287/HĐTC-CC và hợp đồng cho vay tiền số 260-10/11/2023 cùng ngày 10/11/2023 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

- Hợp đồng số BT00287/HĐTC-CC và hợp đồng cho vay tiền số 260-10/11/2023 với số tiền là 10.000.000 đồng từ ngày 10/11/2023 đến ngày 08/02/2024, thời gian góp 90 ngày, lãi suất vay vốn 1,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,49%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày. Căn cứ theo hợp đồng này thì chị Lê Thị Hồng Đ phải góp cho Công ty là 128.000 đồng/ngày.

Khi ký hợp đồng vay tiền với Công ty thì chị Lê Thị Hồng Đ có ký cầm cố thế chấp chiếc xe HONDA FUTURE, biển số 66V1-811.26; số khung: RLHJC 35065 Y044518; SM:JC35E0044527 theo hợp đồng số BT00287/HĐTC-CC ngày 10/11/2023.

- Ngày 28/11/2023 bà Lê Thị Hồng Đ có ký 02 hợp đồng cầm cố số VC00293/HĐTC-CC, BY00294.HĐTC-CC và 02 hợp đồng cho vay tiền cùng số: 244-28/11/2023 cùng ngày 28/11/2023 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Thiên Phước Long để vay số tiền 25.000.000 đồng từ ngày 28/11/2023 đến ngày 26/02/2024, thời gian góp là 90 ngày, lãi suất vay vốn: 1,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 2,49%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày. Số tiền này chị Lê Thị Hồng Đ phải trả góp mỗi ngày là 320.000 đồng/ngày.

Khi ký hợp đồng vay tiền này với Công ty thì bà Lê Thị Hồng Đ có ký cầm cố thế chấp chiếc xe SIRIUS; biển số 66M1-378.07; số khung: 1710HY183689; SM: E3T6E266236 và SMASH; biển số: 68C1-057.48; số khung: 4DJOCO157729; SM: F455157728.

*\*Tính đến ngày 24/7/2024:*

- Đối với hợp đồng số BT00287/HĐTC-CC với số tiền là 10.000.000 đồng vay thì bà Lê Thị Hồng Đ chỉ góp được 30 ngày (từ ngày 11/11/2023 đến ngày 10/12/2023: 128.000 đồng x 30 ngày = 3.840.000 đồng.

Như vậy, bà Lê Thị Hồng Đ còn nợ Công ty đến ngày 24/7/2014 như sau: Tiền gốc 5.985.280 đồng, tiền lãi trong hạn là 198.711 đồng, tiền lãi quá hạn là 857.163 đồng. Tổng cộng là 7.041.154 đồng;

- Đối với hợp đồng số VC00293/HĐTC-CC ngày 28/11/2023 với số tiền cầm cố 15.000.000 đồng vay thì bà Đ chỉ góp được 20 ngày (từ ngày

28/11/2023 đến ngày 18/12/2023:  $192.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày} = 3.840.000 \text{ đồng}$

Như vậy, bà Đẹp còn nợ Công ty tính đến ngày 24/7/2024 như sau:

+ Tiền gốc là 10.474.500 đồng;

+ Lãi trong hạn là 405.712 đồng;

+ Lãi quá hạn là 1.345.556 đồng;

Tổng cộng 12.225.768 đồng.

- Đối với hợp đồng số VC00294/HĐTC-CC ngày 28/11/2023 với số tiền cầm cố 10.000.000 đồng vay thì bà Đẹp chỉ góp được 20 ngày (từ ngày 29/11/2023 đến ngày 18/12/2023 với số tiền là 128.000 đồng  $\times$  20 ngày = 2.560.000 đồng).

Như vậy, bà Đ còn nợ Công ty tính đến ngày 24/7/2024 như sau:

+ Tiền gốc là 6.982.810 đồng;

+ Lãi trong hạn là 270.468 đồng;

+ Lãi quá hạn là 897.013 đồng;

Tổng cộng 8.150.290 đồng.

Nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu bà Lê Thị Hồng Đ trả số tiền 27.417.213 đồng (Trong đó: Tiền gốc 23.445.590 đồng; Liên lãi trong hạn 874.891 đồng; Lãi quá hạn là 3.099.732 đồng).

Yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Hồng Đ trả nợ cho Công ty, không yêu cầu đòi với người ký bảo lãnh trả nợ thay trong hợp đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền trên từ ngày 25/7/2024 đến khi bà Lê Thị Hồng Đ trả hết nợ, mức lãi suất nợ quá hạn là 2.49%/tháng trên số tiền còn nợ tại mỗi thời điểm.

Đối với hợp đồng cầm cố tài sản thì Công ty không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp (do tài sản hiện nay bà Đẹp đang quản lý).

*\* Bị đơn bà Lê Thị Hồng Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

*\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng cho vay tiền số 260-10/11/2023 (Bản photo); Hợp đồng cho vay tiền số 244-28/11/2023 vay số tiền 15.000.000 đồng (Bản photo); Hợp đồng cho vay tiền số 244-28/11/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng (Bản photo);

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không có.

*\* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 10 và ngày 28/11/2023 bà Lê Thị Hồng Đ vay của Công ty tổng số tiền là 35.000.000 đồng; bà Lê Thị Hồng Đ đã thực hiện nghĩa vụ và tính đến hiện nay thì còn nợ Công ty tổng số tiền vay gốc 23.445.590 đồng, tiền lãi 3.971.623 đồng. Tổng cộng 27.417.213 đồng. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị Hồng Đ có địa chỉ tại Phường F, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu bà Lê Thị Hồng Đ trả số tiền vay còn nợ gốc 23.445.590 đồng, tiền lãi 3.971.623 đồng. Tổng cộng 27.417.213 đồng.

Cụ thể tiền lãi được tính của từng Hợp đồng như sau:

- Đối với Hợp đồng số BT00287/HĐTC-CC với số tiền là 10.000.000 đồng vay thì còn nợ gốc là 5.985.280 đồng, lãi trong hạn là 198.711 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 11/12/2023 đến ngày xét xử số tiền lãi quá hạn là 857.163 đồng. Tổng cộng là 7.041.154 đồng.

- Đối với Hợp đồng số VC00293/HĐTC-CC ngày 28/11/2023 với số tiền cầm cố 15.000.000 đồng vay thì còn nợ gốc là 10.474.500 đồng, nợ lãi trong hạn là 405.712 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 19/12/2023 đến ngày xét xử là số tiền lãi quá hạn là 1.345.556 đồng. Tổng cộng là 12.225.768 đồng.

- Đối với Hợp đồng số VC00294/HĐTC-CC ngày 28/11/2023 với số tiền cầm cố 10.000.000 đồng vay thì còn nợ gốc là 6.982.810 đồng, nợ trong hạn là 270.468 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 19/12/2023 đến ngày xét xử là 897.013 đồng. Tổng cộng là 8.150.290 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn L chứng minh bằng: Hợp đồng cho vay tiền số 260-10/11/2023; Hợp đồng cho vay tiền số 244-28/11/2023; Hợp đồng cho vay tiền số 244-28/11/2023. Trong giấy vay tiền có chữ viết và

chữ ký của bà Lê Thị Hồng Đ đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, số tiền này mà Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu bà Lê Thị Hồng Đ trả nợ gốc 23.445.590 đồng, tiền lãi trong hạn 874.891 đồng, lãi quá hạn là 3.099.732 đồng. Tổng cộng 27.417.213 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn L được nhận lại 648.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu 1.370.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn L đối với bà Lê Thị Hồng Đ.

Bà Lê Thị Hồng Đ có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L số tiền vay gốc 23.445.590 đồng, tiền lãi 3.974.623 đồng. Tổng cộng 27.417.213 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Công ty trách nhiệm hữu hạn L được nhận lại số tiền 648.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009820 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Do Hồ Thanh Tr nộp thay).

Chị Lê Thị Hồng Đ phải chịu 1.370.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Mỹ**